TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 10/9/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Liên**
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Yến**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 278/2018/TLST-DS ngày 17/7/2018 về việc "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS ngày 27/8/2019 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP NT**

Địa chỉ: 198 đường K, Quận K, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nghiêm Xuân T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Ông **Phạm Văn T** - Phó trưởng Phòng khách hàng – Là đại diện theo ủy quyền. (theo giấy uỷ quyền ngày 01/8/2018)

Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Thúy N –** sinh năm 1977

HKTT: 6C đường V, phường L, thành phố T.

Chỗ ở: Thôn N, xã N, thành phố T

Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Vũ Thị H – sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn 1, huyện N, tỉnh H.

Vắng mặt

2/ Cháu Trần Thanh T – Sinh năm 2006

3/ Cháu Trần Huỳnh Thanh T1 – sinh năm 2010

HKTT: 6C đường V, phường L, thành phố T.

Chỗ ở: Thôn N, xã N, thành phố T

Người đại diện hợp pháp của cháu Tùng và cháu Trúc: Bà Huỳnh Thị Thúy N

Vắng mặt

4/ Ông Trần Quang T – Sinh năm 1981

HKTT: Tổ 2 xã T, thành phố T.

Chỗ ở: Thôn 1, huyện N, tỉnh H.

Vắng mặt

5/ Bà Trần Thị Hoa L– Sinh năm 1985

HKTT: 75/13 đường K, phường N, thành phố T

Chỗ ở: Phòng 215 chung cư B, phường N, thành phố T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/11/2017 ông Trần Văn M và bà Huỳnh Thị Thúy N có ký hợp đồng tín dụng số 57517/VTL/TD vay Ngân hàng TMCP NT số tiền 12.500.000.000 đồng. Mục đích để thanh toán tiền mua đất. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông M và bà N đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC1 ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 129, TBĐ số 2 thôn B, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 166407, số vào sổ cấp GCN CH03715/22393 do UBND thành phố T cấp ngày 02/6/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn M và bà Huỳnh Thị Thúy N.

Đồng thời ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L cũng thế chấp tài sản để ông M và bà N vay tiền. Đó là:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC2 ngày 02/11/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 57517/VTL/TC2/PL ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 25; 4 TBĐ số 10 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BQ 084266; BU 931619, số vào sổ cấp GCN CH01115/22402; CH 01312/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 25/01/2014 và ngày 11/07/2014; Quyền sử dụng đất tại thửa 296, TBĐ số 10 tại thôn X, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Cd 259671, số vào sổ cấp GCN CS-00105 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 22/3/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC3 ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 176; 76; 88 TBĐ số 8 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BO 783945; BO 783947; BO 783948, số vào sổ cấp GCN CH 00801/22402; CH 00800/22402; CH 00798/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 20/8/2013 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L.

Ngày 19/01/2018 ông Trần Văn M chết.

Trong quá trình vay mặc dù Ngân hàng NT đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng bà N vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Sau nhiều lần nhắc nhở, ngày 08/4/2019 bà N đã rút bớt một phần tài sản thế chấp để bán là Quyền sử dụng đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 2 tại thôn B – xã T – thành phố T để trả số tiền gốc là 6.046.856.052 đồng.

Tính đến ngày 09/9/2019 bà N còn nợ ngân hàng tổng số tiền 4.274.996.922 đồng (trong đó nợ gốc là 3.103.134.948 đồng, nợ lãi trong hạn là 14.665.501 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.157.196.473 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả hết số tiền trên cùng khoản lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2019 cho đến khi bà N trả hết nợ. Nếu bà N không trả nợ thì Ngân hàng đề nghị kê biên phát mãi các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ.

** Tại bản tự khai ngày 14/8/2018, bị đơn - bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày:*

Bà thừa nhận bà và chồng là ông Trần Văn M có ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP NT số tiền 12.500.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì bà và ông M đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thôn B, xã T, thành phố T. Đồng thời ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L cũng ký hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thôn T, xã T, thành phố T để vợ chồng bà vay vốn. Trong quá trình vay vốn, chồng bà là ông Trần Văn M đột ngột qua đời nên bà chưa thu xếp được việc trả nợ. Bà yêu cầu xin thêm thời gian để bán tài sản trả nợ cho ngân hàng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Vũ Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2019:*

Bà là mẹ ruột ông Trần Văn M (đã chết năm 2018). Chồng bà là ông Trần Văn B đã chết năm 2008. Bà không biết việc vợ chồng ông M và bà N vay tiền Ngân hàng TMCP NT . Do đó, Ngân hàng TMCP NT khởi kiện yêu cầu bà N trả số nợ còn lại thì bà không có ý kiến gì.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Quang T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2019:*

Tôi và vợ là Trần Thị Hoa L có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP NT để anh Trần Văn M và chị Huỳnh Thị Thúy N vay vốn. Hiện nay anh M đã chết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N thanh toán số nợ còn lại, tôi không có ý kiến gì. Nếu Ngân hàng TMCP NT phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp chị N không trả được nợ, tôi cũng đồng ý.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Hoa L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2019:*

Trước đây tôi và chồng là anh Trần Quang T có ký hợp đồng thế chấp tài sản để anh Trần Văn M và chị Huỳnh Thị Thúy N vay vốn tại Ngân hàng TMCP NT. Nay Ngân hàng TMCP NT khởi kiện yêu cầu chị N thanh toán số nợ còn lại, tôi không có ý kiến gì. Nếu chị N không trả được nợ thì Ngân hàng cứ phát mãi tài sản thế chấp theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T có ý kiến: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Thúy N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP NT số tiền cả gốc và lãi 4.274.996.922 đồng tính đến ngày 09/9/2019 cùng khoản lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2019 cho đến khi bà N trả hết nợ. Nếu bà N không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP NT có quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

Sau khi ông Trần Văn M chết ngày 19/01/2018. Ngày 10/02/2018 bà Vũ Thị H (mẹ ruột ông M), bà Huỳnh Thị Thúy N (vợ ông M), cháu Trần Thanh T và Trần Huỳnh Thanh T1 (các con của ông M) đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, văn bản được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng H - T với nội dung: " *Bà Vũ Thị H đồng ý nhường quyền hưởng di sản thừa kế, đồng thời đồng ý tặng phần thừa kế của mình cho bà Huỳnh Thị Thúy N. Bà N là người đại diện theo pháp luật của Trần Thanh T và Trần Huỳnh Thanh T1 phần tài sản được hưởng trong tài sản thừa kế. Bà Huỳnh Thị Thúy N có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi, hoàn thành các thủ tục xóa thế chấp ngân hàng*." Do đó, Ngân hàng TMCP NT khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thúy N thanh toán số nợ còn lại là có cơ sở.

Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thanh T và Trần Huỳnh Thanh T1 – đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị Thúy N nhưng bà N không tham gia các buổi hoà giải và nhiều lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L đều xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc Ngân hàng TMCP NT khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thúy N trả số tiền đã vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Ngày 02/11/2017 ông Trần Văn M và bà Huỳnh Thị Thúy N có ký hợp đồng tín dụng số 57517/VTL/TD vay Ngân hàng TMCP NT số tiền 12.500.000.000 đồng. Mục đích để thanh toán tiền mua đất.

Ngày 19/01/2018 ông Trần Văn M chết

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Huỳnh Thị Thúy N không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng TMCP NT đã nhiều lần làm việc yêu cầu bà N thanh toán số nợ còn lại cho ngân hàng nhưng bà N không thực hiện. Sau nhiều lần nhắc nhở, ngày 08/4/2019 bà N đã rút bớt một phần tài sản thế chấp để bán là Quyền sử dụng đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 2 tại thôn P – xã T – thành phố T để trả bớt một phần nợ cho ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP NT yêu cầu bà N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ 4.274.996.922 đồng (trong đó nợ gốc là 3.103.134.948 đồng, nợ lãi trong hạn là 14.665.501 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.157.196.473 đồng) tính đến ngày 09/9/2019 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/9/2019 cho đến khi bà N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP NT.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tính đến ngày xét xử thì đối với khoản nợ của bà N tại Ngân hàng TMCP NT không còn tài sản thế chấp nào đứng tên bà N và ông M nữa mà chỉ còn lại tài sản thế chấp của ông T và bà L. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Thị Thúy N thanh toán số tiền nợ 4.274.996.922 đồng (trong đó nợ gốc là 3.103.134.948 đồng, nợ lãi trong hạn là 14.665.501 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.157.196.473 đồng) tính đến ngày 09/9/2019 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/9/2019 là có căn cứ, phù hợp với thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng TMCP NT với ông M và bà N đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC1 ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 129, TBĐ số 2 thôn B, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 166407, số vào sổ cấp GCN CH03715/22393 do

UBND thành phố T cấp ngày 02/6/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn M và bà Huỳnh Thị Thúy N.

Đồng thời ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L cũng thế chấp tài sản để ông M và bà N vay tiền. Đó là:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC2 ngày 02/11/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 57517/VTL/TC2/PL ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 25; 4 TBĐ số 10 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BQ 084266; BU 931619, số vào sổ cấp GCN CH01115/22402; CH 01312/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 25/01/2014 và ngày 11/07/2014; Quyền sử dụng đất tại thửa 296, TBĐ số 10 tại thôn X, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Cd 259671, số vào sổ cấp GCN CS-00105 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 22/3/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57517/VTL/TC3 ngày 02/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 176; 76; 88 TBĐ số 8 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BO 783945; BO 783947; BO 783948, số vào sổ cấp GCN CH 00801/22402; CH 00800/22402; CH 00798/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 20/8/2013 thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quang T và bà Trần Thị Hoa L. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T theo đúng quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử, chỉ còn lại tài sản thế chấp của ông T và bà L do bà N đã rút phần tài sản thế chấp đứng tên ông M – bà N để bán trả nợ cho ngân hàng.Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bà Huỳnh Thị Thúy N không thanh toán được khoản nợ đã cam kết theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Về án phí: Bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.274.997 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 342, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 9, 10, 11, 12, 41, 47 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Bà Huỳnh Thị Thúy N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP NT số tiền nợ cả gốc và lãi là Ngân hàng TMCP NT số tiền 4.274.996.922 đồng (trong đó nợ gốc là 3.103.134.948 đồng, nợ lãi trong hạn là 14.665.501 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.157.196.473 đồng) tính đến ngày 09/9/2019 cùng các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2019 cho

đến khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Huỳnh Thị Thúy N với Ngân hàng TMCP NT.

1.2 Ngân hàng TMCP NT phải trả cho ông Trần Quang T + bà Trần Thị Hoa L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BQ 084266; BU 931619, số vào sổ cấp GCN CH01115/22402; CH 01312/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 25/01/2014 và ngày 11/07/2014; Quyền sử dụng đất tại thửa 296, TBĐ số 10 tại thôn X, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Cd 259671, số vào sổ cấp GCN CS-00105 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 22/3/2016; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BO 783945; BO 783947; BO 783948, số vào sổ cấp GCN CH 00801/22402; CH 00800/22402; CH 00798/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 20/8/2013 đứng tên ông Trần Quang T + bà Trần Thị Hoa L là chủ sở hữu khi bà Huỳnh Thị Thúy N thanh toán xong số tiền gốc và lãi quy định tại mục 1.1 nêu trên.

1.3 Trong trường hợp bà Huỳnh Thị Thúy N không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP NT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, bán các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa 25; 4 TBĐ số 10 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BQ 084266; BU 931619, số vào sổ cấp GCN CH01115/22402; CH 01312/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 25/01/2014 và ngày 11/07/2014; Quyền sử dụng đất tại thửa 296, TBĐ số 10 tại thôn X, xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Cd 259671, số vào sổ cấp GCN CS-00105 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 22/3/2016; quyền sử dụng đất tại thửa 176; 76; 88 TBĐ số 8 tại xã T, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BO 783945; BO 783947; BO 783948, số vào sổ cấp GCN CH 00801/22402; CH 00800/22402; CH 00798/22402 do UBND thành phố T cấp ngày 20/8/2013 đứng tên ông Trần Quang T + bà Trần Thị Hoa L để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.274.997 đồng

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.751.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009512 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;*

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung